

Số: 71/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 31 tháng 3 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HƯNG YÊN

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 97/2026/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986; Đăng ký HKTT: Thôn Y, xã V, tỉnh Hưng Yên. Hiện trú tại: Số E L, phường S, TP ..

Anh Đào Văn N, sinh năm 1980; Đăng ký HKTT và trú tại: Thôn Y, xã V, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và lời khai của các đương sự trình bày: Chị Nguyễn Thị D và anh Đào Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là xã V, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 28/02/2012. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị D và anh N tuân thủ đúng các điều kiện và thủ tục kết hôn theo luật định nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận. Tuy nhiên, từ năm 2024, mâu thuẫn giữa hai bên bắt đầu phát sinh và ngày càng trở nên gay gắt. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự bất đồng sâu sắc về quan điểm sống, lối sinh hoạt và cách nhìn nhận các vấn đề trong gia đình. Hai bên không còn tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra tranh cãi, căng thẳng kéo dài, đời sống chung không còn ổn định.

Mặc dù cả hai đã nhiều lần chủ động trao đổi, tìm cách hàn gắn nhưng đều không đạt kết quả; mâu thuẫn không những không được cải thiện mà còn ngày càng trầm trọng hơn. Tình cảm vợ chồng vì vậy dần rạn nứt, không còn sự quan tâm, chia sẻ, tình trạng hôn nhân đã rơi vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị D và anh N thống nhất làm đơn yêu cầu TAND khu vực 3 – Hưng Yên công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn.

Tòa án đã mở phiên hòa giải đoàn tụ nhưng không thành vì cả hai đương sự giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, yêu cầu thuận tình ly hôn của hai đương sự là có căn cứ, tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. **Về con chung:** Chị D và anh N đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đ Nguyễn Hoài T sinh ngày 01/01/2011 và cháu Đào Long V, sinh ngày 28/10/2012. Cháu T và cháu V đều phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ và hiện đang sống cùng anh N. Ngoài ra vợ chồng không có con riêng, không có con nuôi, chị D hiện không mang thai.

Chị D và anh N thỏa thuận và thống nhất: Giao cháu Đ Nguyễn Hoài T sinh ngày 01/01/2011 và cháu Đào Long V, sinh ngày 28/10/2012 cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T và cháu V thành N1 (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D và anh N không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị D có quyền thăm nom con chung của mình và quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3]. **Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đôi với hai bên gia đình** Chị D và anh N đã được thẩm phán giải thích quyền, nghĩa vụ của anh chị theo quy định của pháp luật nhưng cả hai anh chị đều khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, không có ruộng đất nông nghiệp liên quan, không xây dựng đóng góp được gì cho hai bên gia đình nên không đề nghị tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] **Về lệ phí:** Chị D tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí về việc giải quyết việc dân sự và được anh N nhất trí.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 23/3/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị D và anh Đào Văn N đều tự nguyện nhất trí thuận tình ly hôn nhau.

- **Về con chung:** Giao cháu Đ Nguyễn Hoài T sinh ngày 01/01/2011 và cháu Đào Long V, sinh ngày 28/10/2012 cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T và cháu Vũ thành N1 (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D và anh N không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị D có quyền thăm nom con chung của mình và quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:** Chị D và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị D tự nguyện nộp cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn và được anh N nhất trí. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu số 0001219 ngày 16/3/2026, tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thì chị D đã thi hành xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên;
- UBND xã Triệu Việt Vương;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Thị Thu Hương